

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường  
của Dự án “Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II”**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II” họp ngày 28 tháng 3 năm 2018;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II” đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện kèm theo Văn bản số VAPCO/MONRE/1803 ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Công ty TNHH Nhiệt điện Vũng Áng II và Văn bản số VAPCO/MONRE/1837 ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Công ty TNHH Nhiệt điện Vũng Áng II;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II” (sau đây gọi là Dự án) trên địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng, thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh được lập bởi Công ty TNHH Nhiệt điện Vũng Áng II (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Xây dựng Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II có tổng công suất là 1.320 MW (2x660 MW) trên tổng diện tích khoảng 127,9 ha với các hạng mục chính như sau:

- Khu vực nhà máy chính có diện tích khoảng 41 ha.
- Bãi lưu giữ tro, xỉ có diện tích khoảng 49,4 ha.
- Khu vực tạm thời tập kết vật liệu thi công có diện tích khoảng 37,5 ha.
- Một (01) Bến cảng chuyên dụng nhập than 100.000 DWT.



*Handwritten signature*

1.2. Các hoạt động đền bù, di dân, tái định cư, rà phá bom mìn, khai thác vật liệu xây dựng phục vụ Dự án và hoạt động nạo vét tuyến lầy và xả nước làm mát, cầu cảng, khu vực bến, vũng quay và tuyến luồng vào cảng chuyên dụng nhập than không thuộc phạm vi của báo cáo đánh giá tác động môi trường này.

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp trong quá trình xây dựng các hạng mục công trình của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về môi trường, không ảnh hưởng đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trong và lân cận khu vực Dự án.

2.2. Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành các hạng mục của Dự án bảo đảm đạt QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác.

2.3. Thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ đất đá thải, các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng, công nghiệp và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành những hạng mục công trình của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và không làm ảnh hưởng đến hoạt động phát triển kinh tế, dân sinh, các hệ sinh thái ven biển khu vực Dự án.

2.4. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có công suất là 150 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành Dự án, bảo đảm đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, hệ số K = 1,2) trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

2.5. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống xử lý nước thải công nghiệp có công suất là 200 m<sup>3</sup>/giờ để thu gom, xử lý toàn bộ nước thải công nghiệp (bao gồm cả nước thải phát sinh tại khu vực cảng) phát sinh trong quá trình vận hành Dự án, bảo đảm đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, hệ số K<sub>q</sub> = 1,2 và hệ số K<sub>f</sub> = 1,0) trước khi xả ra môi trường tiếp nhận; tái sử dụng tối đa nước thải sau xử lý cho hệ thống phun ẩm cho than, chống bụi trên các tuyến đường giao thông nội bộ, tưới cây (chỉ xả trong trường hợp vượt quá nhu cầu tái sử dụng nước của Dự án).

2.6. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống xử lý toàn bộ khí thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án, bảo đảm đạt QCVN 22:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện (hệ số K<sub>p</sub> = 0,7 và hệ số K<sub>v</sub> = 1,0), QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, QCVN

05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác trước khi phát thải ra môi trường xung quanh, riêng đối với thông số  $\text{SO}_2$  nhỏ hơn  $200 \text{ mg/Nm}^3$ , thông số  $\text{NO}_x$  nhỏ hơn  $455 \text{ mg/Nm}^3$ , bụi tổng nhỏ hơn  $50,0 \text{ mg/Nm}^3$ .

2.7. Lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc tự động liên tục đối với nước thải công nghiệp, khí thải phát sinh sau xử lý trước khi xả ra môi trường tiếp nhận; truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh theo các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các quy định hiện hành khác về bảo vệ môi trường; đối với nước thải đã được xử lý sau hệ thống FGD phải giám sát tự động liên tục các thông số: lưu lượng, pH, TSS, DO, nhiệt độ và tổng sunfit ( $\text{HSO}_3^-$  và  $\text{SO}_3^{2-}$ ) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, bảo đảm nước thải phát sinh từ hệ thống FGD này không chứa tổng sunfit, đặc biệt trong trường hợp khi hệ thống sục khí có sự cố hoặc hỏng không hoạt động; tuân thủ các quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

2.8. Thiết kế, lắp đặt, vận hành hệ thống lấy và xả nước làm mát; phải giám sát tự động liên tục các thông số: nhiệt độ, Clo dư của nước làm mát đầu ra trước khi xả ra môi trường tiếp nhận và kiểm soát các thông số này bảo đảm nhiệt độ nhỏ hơn  $40^\circ\text{C}$ , Clo dư nhỏ hơn  $0,2 \text{ mg/l}$  và các thông số khác không được vượt quá giá trị thông số tương ứng của nước làm mát đầu vào, không làm tác động xấu đến hệ sinh thái thủy sinh, các hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đời sống và sinh kế của dân cư trong khu vực và các dự án lân cận.

2.9. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom và thoát nước mưa, bảo đảm các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải trước xả ra vịnh Vũng Áng trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

2.10. Sử dụng tro, xỉ theo Quyết định số 1696/QĐ-TTg ngày 23 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp thực hiện xử lý tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất phân bón để làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng và Công văn số 523/TTg-CN ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về các vướng mắc một số quy định tại Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12 tháng 04 năm 2017.

2.11. Trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án tuân thủ theo quy định hiện hành, trong đó có khu vực băng tải than từ cảng về kho than, khu vực lưu giữ than và khu vực lưu giữ tro, xỉ.

2.12. Thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đối với đội ngũ cán bộ và công nhân tham gia các giai đoạn của Dự án; tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học biển và hải đảo Việt Nam.

2.13. Thực hiện chương trình giám sát, quan trắc môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; lưu giữ số liệu giám sát, quan trắc để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

### 3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và chỉ được thực hiện triển khai Dự án sau khi đã hoàn tất công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.2. Quản lý chặt chẽ các chất thải từ các tàu thuyền ra vào cảng; thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn, trật tự, vệ sinh môi trường tại cảng; phòng ngừa ô nhiễm môi trường tuân thủ các quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải, Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

3.3. Tuân thủ các quy định phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố tràn dầu, ứng phó sự cố an toàn đê bao bãi chứa tro, xỉ và an toàn lao động; các quy định hiện hành về cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hành lang bảo vệ nguồn nước, xả nước thải vào nguồn nước trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

3.4. Phân tích đầy đủ thành phần hóa học đối với nguyên, nhiên liệu sử dụng cho lò hơi mỗi khi thay đổi nguồn cung cấp. Trường hợp phát hiện các thành phần đặc thù phải bổ sung phân tích các thành phần tương ứng trong khí thải sau xử lý, tro bay, xỉ đáy lò và kịp thời điều chỉnh và bổ sung công nghệ xử lý, chương trình giám sát, quan trắc môi trường và biện pháp quản lý phù hợp.

3.5. Chủ dự án cần áp dụng công nghệ xử lý môi trường tiên tiến, hiện đại, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.6. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, cộng đồng địa phương trong công tác tuyên truyền, cung cấp thông tin về hoạt động bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án.

### **Điều 2.** Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

2.1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2.2. Nghiêm túc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2.3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Tổng cục Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 393/QĐ-BTNMT ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II”. *luu*

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Công ty TNHH Nhiệt điện Vũng Áng II (để thực hiện);
- Bộ Công Thương;
- UBND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở TN&MT tỉnh Hà Tĩnh;
- Thanh tra Bộ, TCB&HĐVN, Cục QLTTN;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT(04), LTH.14 *luu*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Võ Tuấn Nhân**

